CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Tư vấn đầu tư IDICO

Ngày 30/09/2025	24,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	7.6%	-	-

DT thuần
Q3/25
6.11
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1.55| -20.2%
YoY: ▲ 0.30| 5.2%

LN thuần
Q3/25
0.50
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.43| -46.0%
YoY: ▲ 0.46| 1156%

LN sau thuế
Q3/25
0.40
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.22| -35.1%
YoY: ▲ 0.37| 1240%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
8.2%
YoY: +/-▼ 4.0%

ROE (TTM)
Q3/25
5.1%
YoY: +/-▲ 1.5%

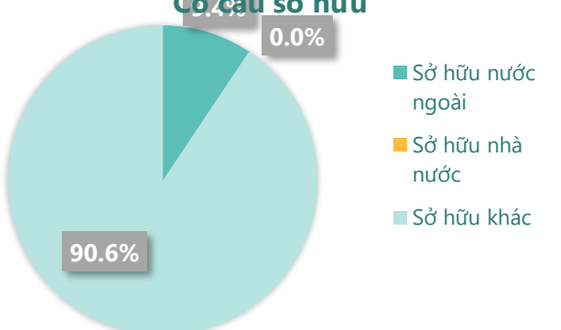
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	20,300 - 35,916
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	48
Số lượng CPLH (CP)	2,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	520
Sở hữu nước ngoài	9.4%
Beta	(0.09)
EPS	624
P/E	38.8

DT thuần
9T 2025
18.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 5.10| 38.2%

LN thuần
9T 2025
1.68
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.36| 427%

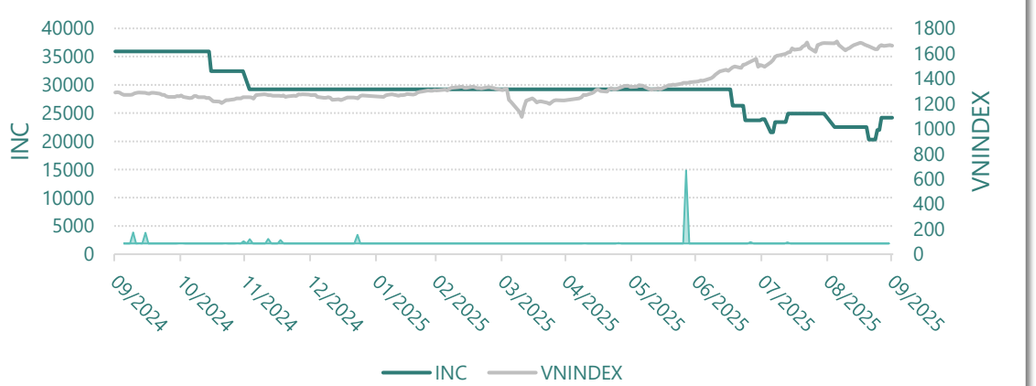
LN sau thuế
9T 2025
1.22
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.96| 376%

Cơ cấu sở hữu

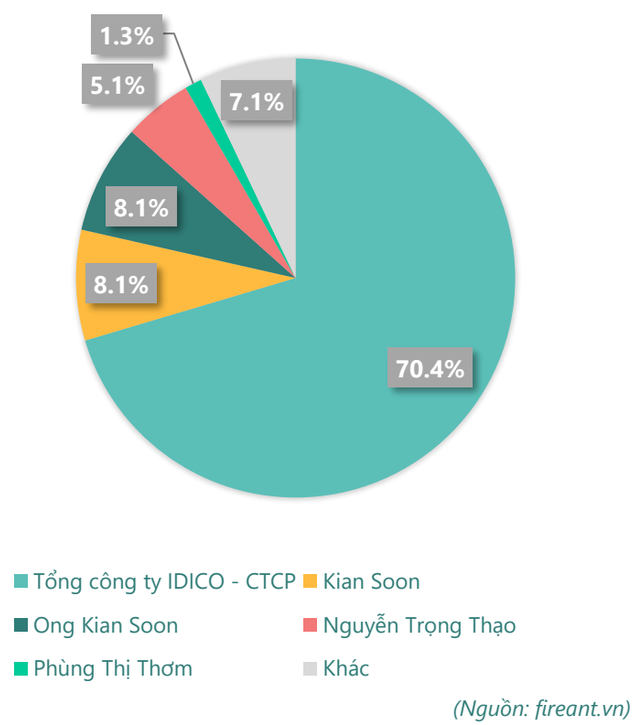


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



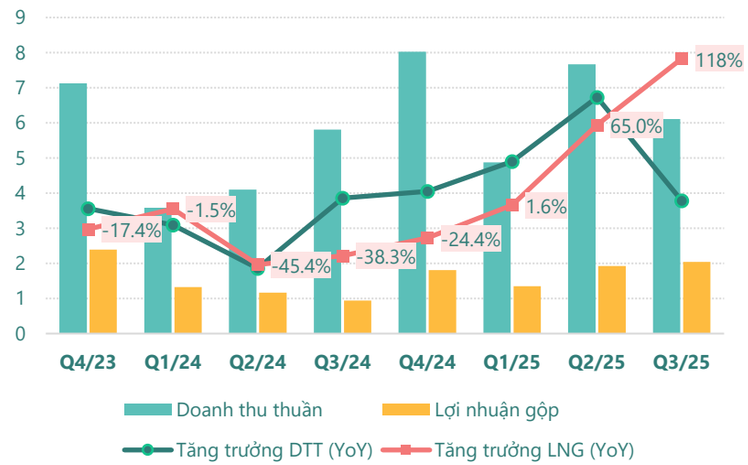
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

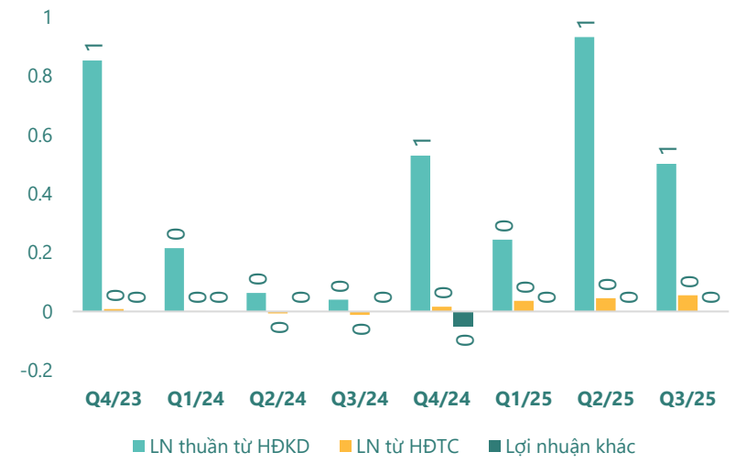
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



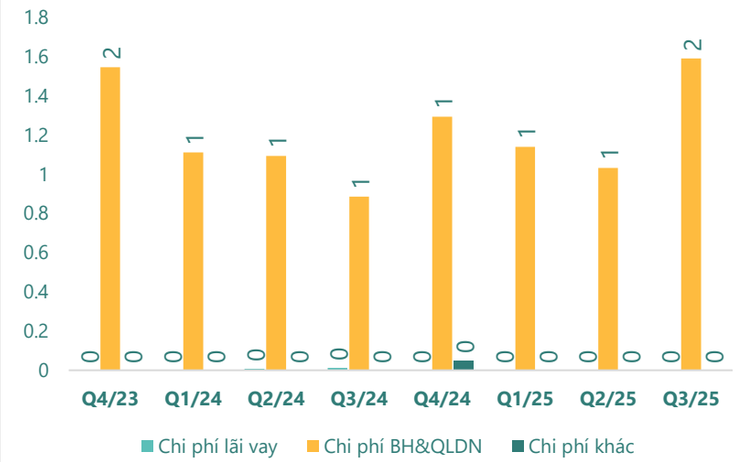
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



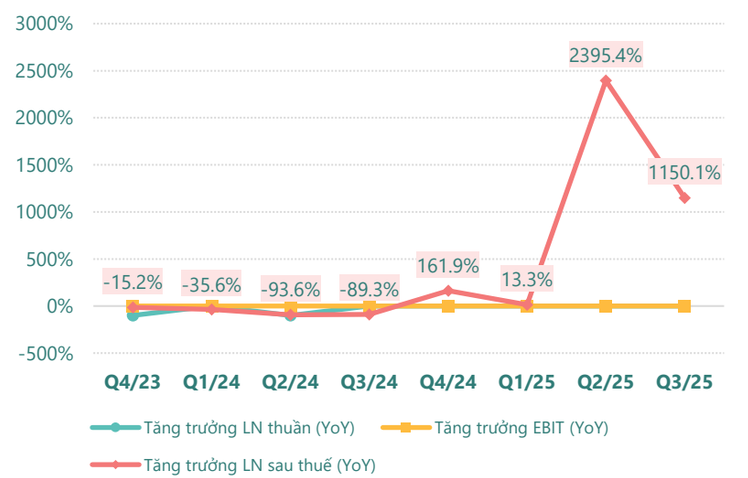
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



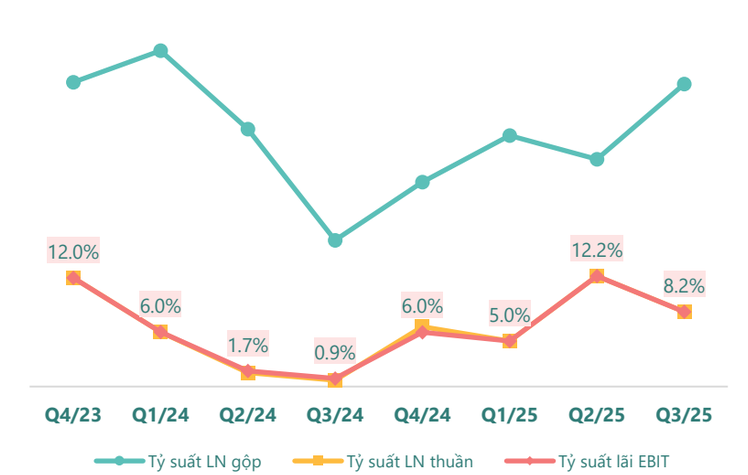
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



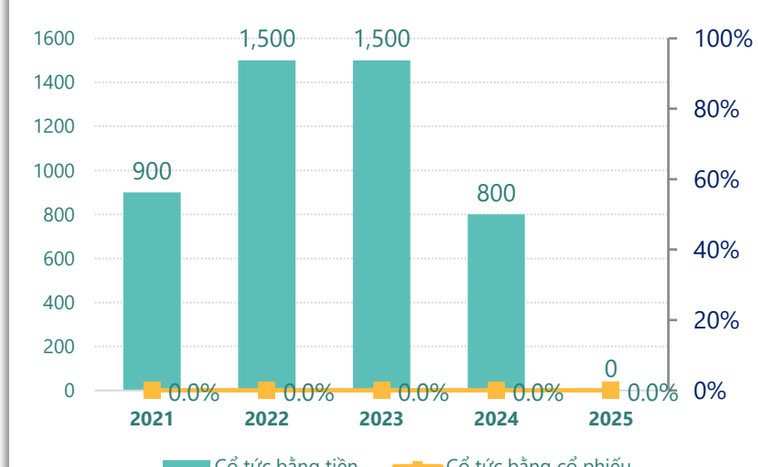
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

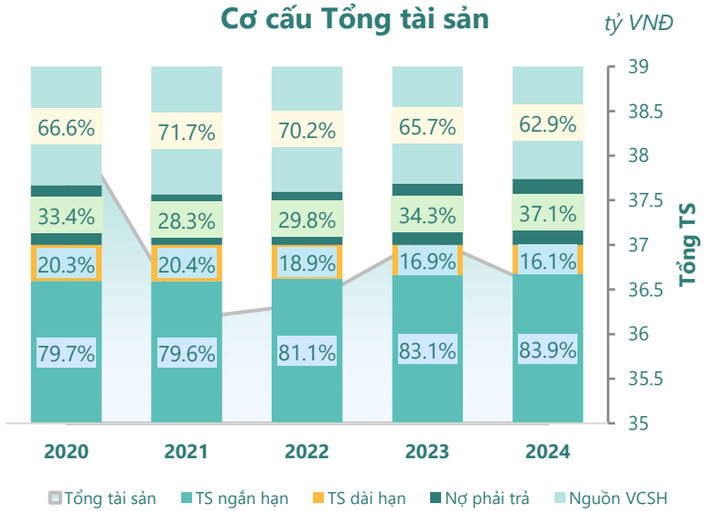
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

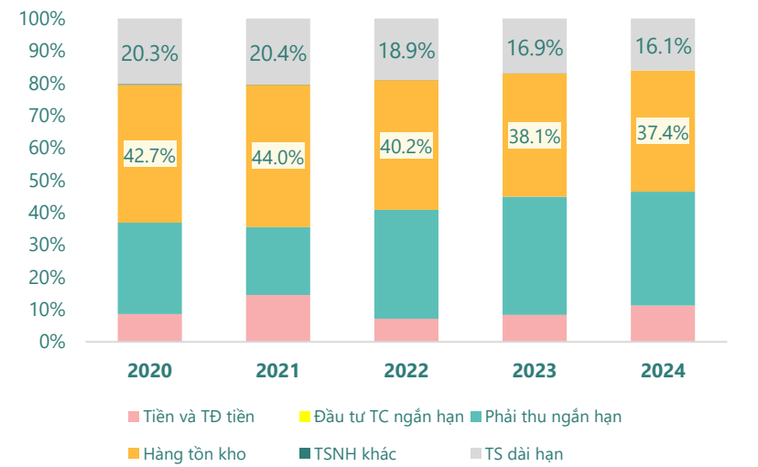
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



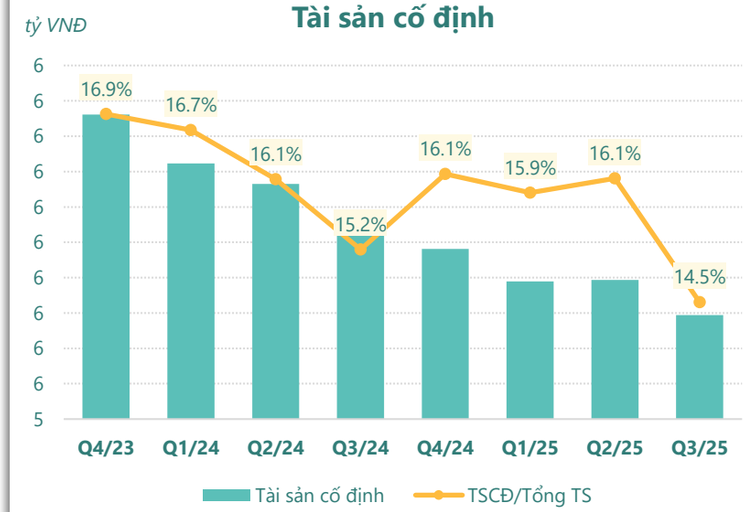
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



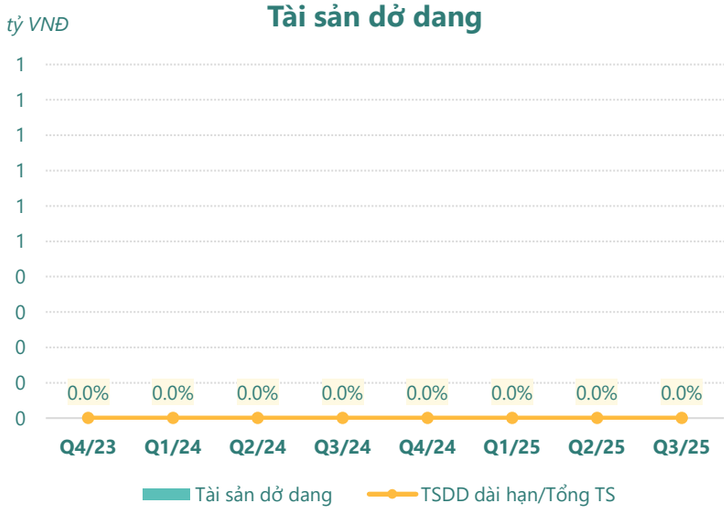
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



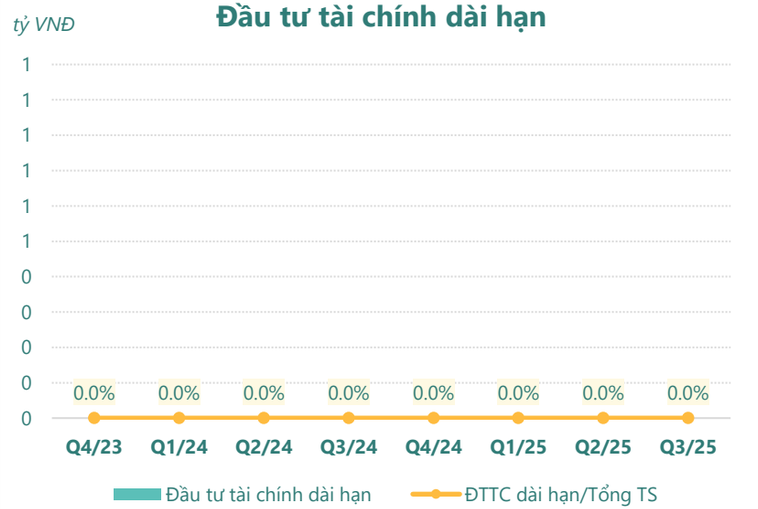
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



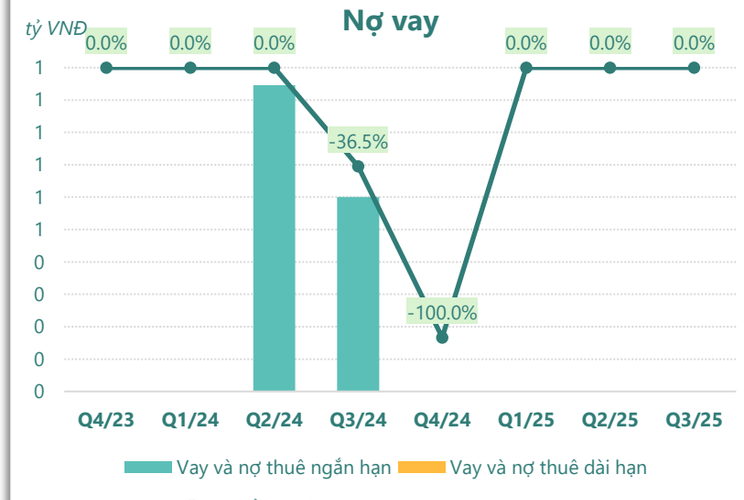
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

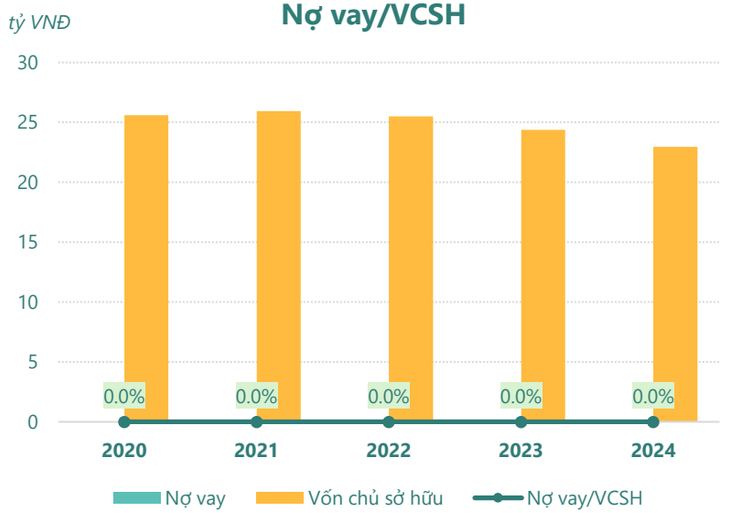
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

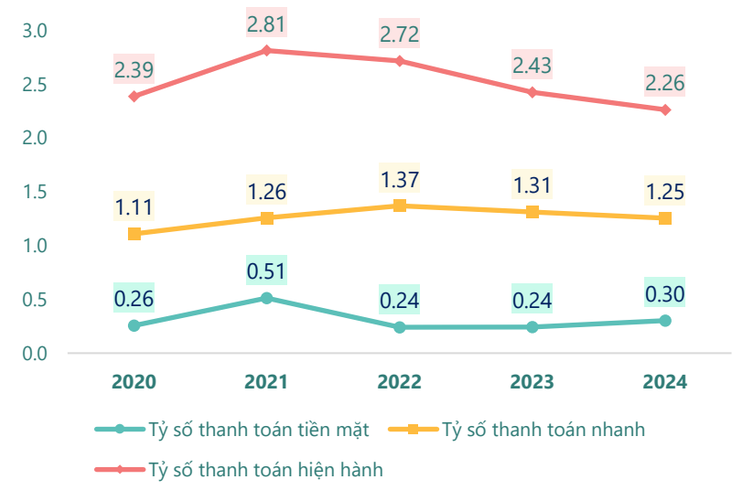
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



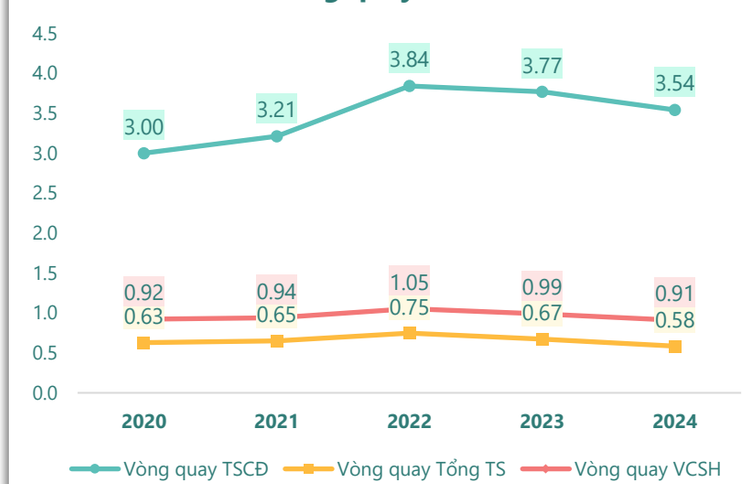
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



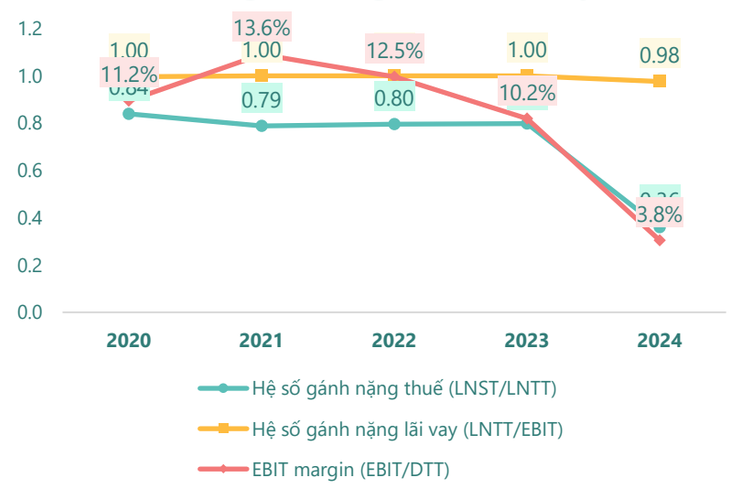
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



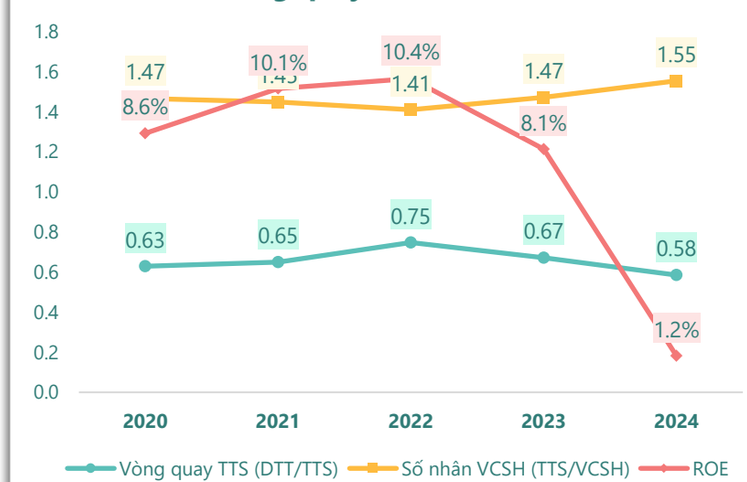
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



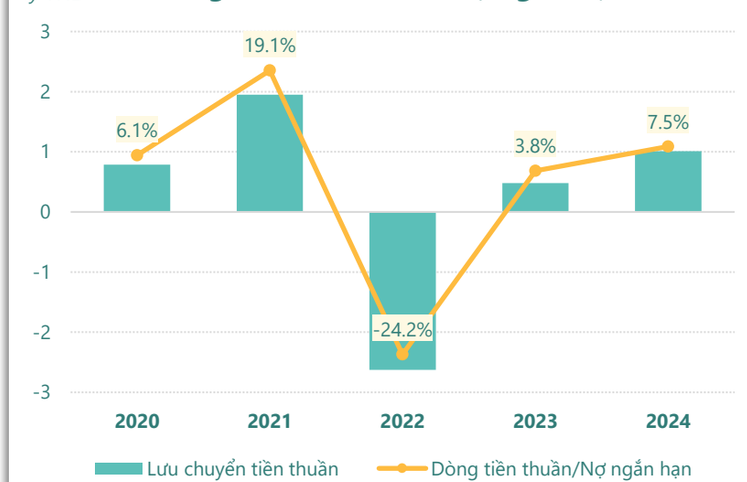
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**6.11**	**5.81**	**5.2%**	**18.6**	**13.5**	**38.2%**
Giá vốn hàng bán	4.07	4.87	-16.4%	13.3	10.1	32.5%
Lợi nhuận gộp	2.04	0.94	117%	5.31	3.43	54.8%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.00		0.14	0.00	7069%
Chi phí TC	0	0.01	-100%	0	0.02	-100%
Chi phí lãi vay	0	0.01	-100%	0	0.02	-100%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**1.59**	**0.89**	**78.7%**	**3.76**	**3.09**	**21.7%**
LN thuần từ HĐKD	0.50	0.04	1156%	1.68	0.32	427%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	0.50	0.04	1156%	1.68	0.32	427%
Lợi nhuận sau thuế	**0.40**	**0.03**	**1240%**	**1.22**	**0.26**	**376%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.40**	**0.03**	**1240%**	**1.22**	**0.26**	**376%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.06	2.82	1.80	1.09	3.76	-0.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.03	0.00	0.02	0.04	-0.02	0.01
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.95	-0.50	-1.18	-0.01	-1.97	0
Tiền đầu kỳ	1.30	1.15	3.47	4.10	5.22	7.00
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.15**	**2.32**	**0.63**	**1.12**	**1.78**	**-0.21**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.15	3.47	4.10	5.22	7.00	6.79

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**39.3**	**36.5**	**7.7%**
Tài sản ngắn hạn	33.5	30.6	9.6%
Tiền và tương đương tiền	6.79	4.10	65.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	13.1	12.9	2.1%
Hàng tồn kho	13.6	13.6	-0.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.02	0	
Tài sản dài hạn	**5.77**	**5.88**	**-1.9%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	5.69	5.88	-3.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.07**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	15.1	13.5	11.8%
Nợ ngắn hạn	**15.1**	**13.5**	**11.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.04	3.78	-19.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**24.2**	**23.0**	**5.3%**
Vốn chủ sở hữu	**24.2**	**23.0**	**5.3%**
Vốn điều lệ	20.0	20.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)